

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HS-PT

Ngày: 30 - 3 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Anh Sơn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Huyền.

Bà Nguyễn Thị Thu Từ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bảo Châu - Thư ký TAND tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/3/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 23/2021/TLPT-HS ngày 25 tháng 01 năm 2021, đối với bị cáo Nguyễn Ngọc S do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2020/HS-ST ngày 30/11/2020 của Toà án nhân dân huyện N Đ, tỉnh Nghệ An. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXPT-HS ngày 25 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐ-HPT ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên **Nguyễn Ngọc S**, sinh ngày 04 tháng 6 năm 1996 tại xã Kim Liên, huyện N Đ, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm L M, xã Kim Liên, huyện N Đ, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do, trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh H; họ và tên vợ: Nguyễn Thị Hoài N, sinh năm 1999 và có 01 con, sinh năm 2020, tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2020 đến ngày 06/10/2020 được tại ngoại đến ngày 30/11/2020 bị bắt sau khi tuyên án sơ thẩm đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại có kháng cáo:

Chị Lê Thị H1, sinh năm 1992 - có mặt.

Địa chỉ: 187 Đặng Thái Thân, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Ngoài ra còn có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị, không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2020 đến tháng 7/2020, Nguyễn Ngọc S và chị Lê Thị H1 có quan hệ tình cảm với nhau. Đến khoảng đầu tháng 7/2020, chị Nguyễn Thị Hoài N là vợ của Nguyễn Ngọc S phát hiện mối quan hệ giữa Nguyễn Ngọc S và chị Lê Thị H1 nên can ngăn. Sau đó Nguyễn Ngọc S không còn quan hệ qua lại với chị Lê Thị H1. Khoảng tháng 7/2020, Nguyễn Ngọc S nảy sinh ý định đe dọa chị Lê Thị H1 để lấy tiền. Ngày 16/7/2020, Nguyễn Ngọc S sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 216, vỏ màu đen của bà Nguyễn Thị Thanh H gắn thẻ sim số thuê bao 0934411576 gửi tin nhắn đến số thuê bao 0972539299 và 03436699706 của chị Lê Thị H1. Nội dung nhắn tin, Nguyễn Ngọc S không nêu tên mà tự xưng là người theo dõi và biết các video, clip quan hệ tình dục, cũng như video, clip khóa thân của chị H1 với người khác. Nguyễn Ngọc S yêu cầu chị Lê Thị H1 phải chuyển tiền cho S, đổi lại chị H1 sẽ được nhận các video, clip. Nếu không chuyển tiền, Nguyễn Ngọc S sẽ gửi các video, clip cho người thân của chị H1 và đăng tải lên các trang mạng xã hội. Qua tin nhắn, chị Lê Thị H1 biết được người đang nhắn tin đe dọa mình là Nguyễn Ngọc S, nội dung các hình ảnh, video clip khóa thân có liên quan đến chị H1 và Nguyễn Ngọc S trong thời gian quan hệ tình cảm. Do vậy, chị H1 lo sợ các hình ảnh, video clip về mối quan hệ của bản thân mình với Nguyễn Ngọc S sẽ bị đăng tải lên mạng xã hội, ảnh hưởng xấu đến danh dự, cuộc sống của mình. Lúc đó, chị H1 liên tục xin Nguyễn Ngọc S nhưng S không đồng ý. Từ ngày 16/7/2020 đến ngày 18/7/2020, Nguyễn Ngọc S sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Realme, gắn thẻ sim 0934411576 tiếp tục nhắn tin, đe dọa, bắt ép chị H1 phải đưa tiền. Trước tin nhắn đe dọa của Nguyễn Ngọc S, chị Lê Thị H1 lo sợ và xin Nguyễn Ngọc S nhưng S không đồng ý. Để nhận lại các video, clip chị Lê Thị H1 chấp nhận đưa cho Nguyễn Ngọc S số tiền 86.000.000 đồng theo yêu cầu của S. Nguyễn Ngọc S đồng ý để chị Lê Thị H1 giao tiền cho mình làm 2 lần. Lần thứ nhất giao số tiền là 55.000.000 đồng vào ngày 18/7/2020, số tiền còn lại là 31.000.000 đồng sẽ giao vào ngày 20/7/2020. Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 18/7/2020, chị Lê Thị H1 điều khiển xe mô tô đến khu vực nhà máy dệt Hanosimex thuộc xã NG, huyện N Đ, tỉnh Nghệ An để giao tiền. Nguyễn Ngọc S yêu cầu chị Lê Thị H1 đặt tiền ở mương nước trước nhà máy dệt Hanosimex rồi đi về, S sẽ tự đến lấy. Chị Lê Thị H1 cho số tiền vào túi nilon màu đỏ và bỏ tại khu vực theo yêu cầu của Nguyễn Ngọc S. Sau khi đặt tiền, chị Lê Thị H1 nhắn tin báo cho Nguyễn Ngọc S biết đặc điểm túi tiền, vị trí đặt sau đó đi về. Khoảng 1 phút sau, Nguyễn Ngọc S một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha, màu đen, biển kiểm soát 37M1- 874.62 đến mương nước trước nhà máy dệt Hanosimex, lấy túi nilon màu đỏ mà chị Lê Thị H1 đã đặt trước đó đem bỏ vào túi áo bên trái của mình rồi điều khiển xe mô tô rời đi, thì bị Công an huyện N Đ kiểm tra, thu giữ số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Realme, gắn thẻ sim có số thuê bao 0934411576 và 0965841170.

Tại bản kết luận giám định số 266/KL-PC09(23) ngày 24/7/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: “Số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) (có bảng kê mệnh giá, mã số hiệu kèm theo) gồm: 85 (tám mươi lăm) tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), 125 (một trăm hai mươi lăm) tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) gửi giám định là tiền thật”.

Bản cáo trạng số 51/CT-VKSND, ngày 14/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N Đ, tỉnh Nghệ An truy tố Nguyễn Ngọc S về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Với nội dung trên, bản án hình sự sơ thẩm số 56/2020/HS-ST ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện N Đ, tỉnh Nghệ An đã căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Ngoài ra bản án còn xử lý vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/12/2020, bị cáo Nguyễn Ngọc S kháng cáo cho rằng tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt là quá nặng. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 14/12/2020, người bị hại Lê Thị H1 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải mà áp dụng tình tiết tăng nặng là hành vi phạm tội mang tính chất tinh vi, xảo quyệt. Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Ngọc S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Ngọc S và người bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc S và người bị hại Lê Thị H1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt, tạm giam bị cáo sau khi tuyên án (ngày 30/11/2020), được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2020 đến ngày 06/10/2020.

Bị cáo Nguyễn Ngọc S không tranh luận gì, bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm quy định của pháp luật, bị cáo rất ân hận hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo. Người bị hại Lê Thị H1 không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Ngọc S và người bị hại Lê Thị H1 làm đơn kháng cáo trong hạn luật định, nội dung, hình thức đơn kháng cáo phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Lời khai của bị cáo và người bị hại tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 16/7/2020 đến ngày 18/7/2020, Nguyễn Ngọc S đã có hành vi nhắn tin đe dọa sẽ gửi các video, clip về bí mật đời tư của chị Lê Thị H1 đăng lên các trang mạng xã hội nhằm uy hiếp tinh thần làm cho chị H1 lo sợ phải đồng ý giao số tiền 86.000.000 đồng (tám mươi sáu triệu đồng). Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 18/7/2020, tại khu vực nhà máy dệt Hanosimex thuộc xã NG, huyện N Đ, tỉnh Nghệ An, theo sự hướng dẫn của Nguyễn Ngọc S, chị Lê Thị H1 giao cho Nguyễn Ngọc S số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng). Sau khi lấy được tiền thì Nguyễn Ngọc S bị Công an huyện N Đ bắt quả tang cùng vật chứng. Hành vi của Nguyễn Ngọc S đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự như bản án hình sự sơ thẩm số 56/2020/HS-ST ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện N Đ đã tuyên xử đối với Nguyễn Ngọc S là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Ngọc S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đã đe dọa sẽ xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của người khác nhằm chiếm đoạt tài sản. Khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ Công an nhân dân và được Ủy ban nhân dân xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh tặng Giấy khen; có ông nội là ông Nguyễn Văn Q được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Vì vậy tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo với mức án 04 năm 06 tháng tù là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ nào, chỉ trình bày về hoàn cảnh gia đình có bố bị đau khớp khó khăn trong việc đi lại, vợ yếu, con còn nhỏ, bị cáo là lao động duy nhất, đây không phải là các tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

[4]. Xét kháng cáo của người bị hại chị Lê Thị H1 đề nghị tòa án cấp phúc thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ là khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải và

đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng là dùng thủ đoạn tinh tinh vi, xảo quyệt theo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình thể hiện sự ăn năn hối cải, nên kháng cáo của người bị hại đề nghị không áp dụng tình tiết này là không có căn cứ.

Về kháng cáo đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo là “dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt” theo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo chỉ có hành vi nhắn tin cho người bị hại đe dọa sẽ đăng lên mạng các video, clip liên quan đến đời tư, bí mật của người bị hại nhằm mục đích làm cho người bị hại lo sợ để chiếm đoạt tài sản, sau khi nhận được tin nhắn, người bị hại đã dễ dàng nhận ra được người nhắn tin đe dọa là bị cáo và mục đích là chiếm đoạt tài sản. Trên thực tế bị cáo không có các video, clip, chưa đăng lên mạng xã hội thông tin, hình ảnh gì của người bị hại nên không có căn cứ để xác định hành vi của bị cáo là dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt.

Về kháng cáo mức hình phạt mà tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là quá nhẹ so với tính chất, mức độ và hậu quả bị cáo gây ra, đề nghị tăng nặng mức hình phạt đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ và toàn diện nội dung vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra để xử phạt bị cáo với mức án 04 năm 06 tháng tù là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người bị hại về tăng nặng mức hình phạt đối với bị cáo.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người bị hại. Giữ nguyên bản án, giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ.

[4] Về án phí: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Người bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc S và người bị hại Lê Thị H1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, giữ nguyên hình phạt.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt, tạm giam bị cáo

ngay sau khi tuyên án ngày 30/11/2020, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2020 đến ngày 06/10/2020.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện N Đ;
- Cơ quan THAHS CA huyện N Đ;
- Chi Cục THADS huyện N Đ;
- Bị cáo; người bị hại;
- UBND xã Kim Liên;
- Lưu VP, HSVA, Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Anh Sơn